

Số: /KH-UBND

Bình Lương, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ theo nội dung Dự án 1 “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt giai đoạn 2021-2030” thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030

Thực hiện công văn số 23/UBND- DT ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân về việc rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ theo nội dung Dự án 1 “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt giai đoạn 2021-2030” thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân xã Bình Lương ban hành Kế hoạch tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo các nội dung sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ đất ở

1.1. Đối tượng hỗ trợ:

Hộ DTTS nghèo (có vợ hoặc chồng là người DTTS), hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS& MN, hộ gia đình bị bão lũ, thiên tai chưa có đất ở. Trong đó ưu tiên cho các đối tượng:

- + Hộ nghèo DTTS còn gặp nhiều khó khăn; hộ nghèo DTTS.
- + Các hộ gia đình sinh sống ở thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ dẫn tới không có đất ở.
- + Hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở thôn đặc biệt khó khăn.
- + Hộ chưa được hỗ trợ đất ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức khác.
- + Trường hợp đã được hỗ trợ đất ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ đất ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Đất ở bị sạt lở, sụt lún hoặc có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, khôi phục lại.

1.2. Nội dung rà soát:

- Rà soát các đối tượng chưa có đất ở (bao gồm cả những hộ đang cư trú trên đất của bố mẹ, họ hàng, người quen...và cư trú trên các loại đất khác mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở) để xác định những nội dung sau:

- + Căn cứ vào quỹ đất, khả năng cân đối quỹ đất của địa phương, căn cứ hạn mức đất ở quy định tại quyết định 4463/2014/QĐ-UBND, rà soát các hộ thuộc đối tượng chưa có đất ở mà có thể bố trí được từ quỹ đất của địa phương.

+ Rà soát diện tích đất có thể tạo mặt bằng, làm kỹ thuật để giao đất ở trên địa bàn và số lượng các hộ chưa có đất ở có nhu cầu về đất ở mà có thể bố trí diện tích này cầu địa phương.

+Rà soát các hộ chưa có đất ở có thể ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép, số hộ có nhu cầu tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đề xuất nhu cầu hỗ trợ.

- Rà soát nhu cầu vay vốn tạo đất ở trong số các hộ đủ điều kiện được hỗ trợ xen ghép, chuyển nhượng đất ở để đề xuất vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội.

+ Đối với quỹ đất do UBND xã đang quản lý (nếu có), cấp ủy chính quyền sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng.

2. Hỗ trợ nhà ở

2.1. Đối tượng hỗ trợ:

Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN, hộ gia đình sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ chưa có nhà ở, hoặc nhà ở tạm dột nát.

Đối tượng ưu tiên:

+ Hộ nghèo DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo DTTS.

+ Hộ gia đình sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ.

+ Hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK.

+ Hộ được hỗ trợ đất ở thì được đồng thời xem xét hỗ trợ nhà ở.

+ Hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức khác.

Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau:

Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

2.2. Nội dung hỗ trợ:

Hộ gia đình DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN chưa có nhà ở; nhà ở tạm, dột nát được đầu tư xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung tường cứng, mái cứng, từ 30 m² trở lên).

Hộ gia đình DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN chưa có nhà ở; nhà ở tạm, dột

nát được đầu tư xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung tường cứng, mái cứng, diện tích phải từ 30 m² trở lên).

Mức là 80 triệu đồng/căn/hộ, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ; ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 4 triệu đồng/hộ; vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội 25 triệu đồng/hộ, thời gian vay tối đa là 15 năm với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành và hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ và các nguồn vốn khác tối thiểu 11 triệu đồng/hộ.

3. Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

3.1. Đối tượng:

Hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương.

* Định mức đất sản xuất của địa phương được quy định tại Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Đối với các huyện miền núi là 2,417 ha/hộ; đối với các xã miền núi thuộc các huyện, thị xã giáp ranh là 1,050 ha/hộ. Trong đó: đất sản xuất bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác. Như vậy, thiếu trên 50% đất sản xuất theo mức quy định của địa phương, được xác định cụ thể là: Mức bình quân diện tích đất sản xuất cho 1 Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt mức bình quân diện tích đất sản xuất, diện tích đất ở làm cơ sở để xác định hộ thiếu đất sản xuất, đất ở thực hiện Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; mỗi hộ gia đình đối với 11 huyện miền núi là 1,2086 ha/hộ; đối với các xã miền núi thuộc 06 huyện, thị xã giáp ranh là 0,526 ha/hộ.

Trong đó:

+ Ưu tiên hộ nghèo DTTS còn gặp nhiều khó khăn; hộ nghèo DTTS; hộ phụ nữ nghèo sinh sống tại xã, thôn ĐBKK; hộ nghèo dân tộc Kinh ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN không có đất sản xuất.

+ Hộ gia đình sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ.

+ Hộ chưa được hỗ trợ đất sản xuất; chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác; Trường hợp đã được hỗ trợ đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Đất sản xuất bị mất do ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, cải tạo lại. Được hỗ trợ chuyển đổi nghề nhưng do hoàn cảnh bất khả kháng dẫn đến mất sức lao động, mất việc làm.

Một số trường hợp cá biệt đối với các hộ trước đây đã chuyển nhượng, thế chấp đất sản xuất, nay không còn đất, nhưng thực sự có kinh nghiệm sản xuất, có nhu cầu đất để sản xuất và được người nhận chuyển nhượng, thế chấp đồng ý cho chuộc lại đất với giá thấp hoặc vận động được bà con thân tộc nhượng bán với giá rẻ thì được xem xét thuộc đối tượng thực hiện. Đối với những trường hợp cá biệt này phải được chính quyền, đoàn thể cấp xã xem xét chặt chẽ và trình ủy ban nhân dân huyện quyết định;

3.2. Nội dung hỗ trợ:

3.2.1 Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất:

Đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ tối đa là 100 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp là 22,5 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 77,5 triệu đồng/hộ để tạo quỹ đất, thời gian vay tối đa là 10 năm với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành.

Mức tính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội tương ứng với diện tích đất sản xuất không có theo định mức quy định (hoặc) diện tích đất sản xuất còn thiếu theo quy định. Cách tính kinh phí hỗ trợ: Số tiền Nhà 22,5 trđ nhà nước hỗ trợ = x DT đất SX thiếu (hoặc không có theo định mức quy định) (triệu đồng) 1,2086 ha (đối với các huyện miền núi) 0,526 ha (đối với các xã miền núi thuộc huyện, thị GR)

- Định mức đất sản xuất bình quân quy định là 1,2086 ha/hộ đối với 11 huyện miền núi và 0,526 ha/hộ đối với các xã, phường miền núi thuộc các huyện giáp ranh. Số tiền được 77,5 trđ vay tại NHCSXH = x DT đất SX thiếu (hoặc không có theo định mức quy định) (triệu đồng) 1,2086 ha (đối với các huyện miền núi) 0,526 ha (đối với các xã miền núi thuộc huyện, thị GR) (Chỉ tính cho trường hợp địa phương còn quỹ đất để giao đất sản xuất cho đối tượng thụ hưởng chính sách).

Quỹ đất sản xuất để giao cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo bao gồm: Đất thu hồi từ các nông, lâm trường và các doanh nghiệp, tổ chức sau khi sắp xếp lại theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2003 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh; đất khai hoang phục hóa, đất hiến tặng, mua, chuyển nhượng tự nguyện, chuyển nhượng giữa các hộ thiếu đất (2 đến 3 hộ thiếu đất tự nguyện chuyển nhượng lại đất sản xuất cho 1 hộ trong nhóm, các hộ chuyển nhượng được ưu tiên học nghề chuyển đổi nghề); đất thu hồi từ các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai và các nguồn khác.

3.2.2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề:

Xã không còn quỹ đất để giao đất sản xuất cho các hộ, cấp ủy, chính quyền vận động những hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã, thôn ĐBKK không có đất sản xuất, nhưng có lao động chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định chuyển qua làm các ngành nghề khác.

Những đối tượng này được ưu tiên tạo việc làm mới, phát triển sản xuất, được hỗ trợ để chuyển đổi nghề trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ và được vay vốn tín dụng chính sách tối đa áp dụng đối với hộ nghèo trong từng thời kỳ; thời hạn vay tối đa là 10 năm; lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành.

Lưu ý: Mỗi hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương **chỉ được hưởng một trong hai chính sách nêu trên.**

4. Hỗ trợ nước sinh hoạt

4.1. Đối tượng:

Hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh và hộ gia đình chịu thiệt hại bởi thiên tai, bão lũ sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Ưu tiên địa bàn vùng bị hạn hán, xã ĐBKK, thôn đặc biệt khó khăn.

- Nước sinh hoạt phân tán:

Hộ chưa được hưởng chính sách hỗ trợ tạo nguồn nước được hỗ trợ kinh phí xây dựng hoặc mua dụng cụ. Trường hợp đã được hỗ trợ theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác có thời gian từ 5, 6 năm trở lên tính đến thời điểm Chương trình này có hiệu lực thi hành nhưng nay đã hư hỏng, không sử dụng được.

- Nước sinh hoạt tập trung:

+ Đầu tư xây dựng các công trình nước tập trung tại địa bàn chưa được đầu tư; ưu tiên địa bàn vùng bị hạn hán, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn,...

+ Trường hợp đã được hỗ trợ công trình nước sinh hoạt theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác có thời gian từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm Chương trình này có hiệu lực thi hành nhưng nay đã hư hỏng, không sử dụng được.

4.2. Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Được hỗ trợ để tạo nguồn nước, trang bị bể chứa nước phục vụ sinh hoạt. Mức hỗ trợ tối đa 3 triệu đồng/ 1 hộ.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng những công trình nước tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng hay xảy ra hạn hán, vùng đặc biệt khó khăn chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tổng mức đầu tư cho một công trình, căn cứ vào tình hình thực tế để phê duyệt dự án đầu tư, trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ bình quân 3.000 triệu đồng/ công trình.

II. HỒ SƠ, MẪU BIỂU, THỜI GIAN

*** Đối với cấp xã, thôn**

Thực hiện rà soát theo các mẫu biểu số 01, 02, 03, 04. Quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo năm 2024 thực hiện chính sách năm 2024.

Thực hiện rà soát xong trước ngày 12/01/2024.

Thành phần: Ban chỉ đạo chương trình MTQG xã phụ trách thôn, ban phát triển thôn cùng tham gia rà soát.

Báo cáo tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đề về UBND xã (qua đồng chí Lương Thị Xinh – Phụ trách công tác Dân tộc trực tiếp tổng hợp) gửi về phòng Dân tộc trước ngày 13/01/2024 để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC RÀ SOÁT

Đối tượng hộ nghèo thụ hưởng chính sách, hiện tại lấy theo kết quả hộ nghèo năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện cho năm 2024.

Thông tin, số liệu khác lấy tại thời điểm rà soát. Quá trình thực hiện có vướng mắc cần phối hợp giải quyết, liên hệ đồng chí Lương Thị Xinh- công chức VH - XH.

Chủ tịch UBND xã Đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về tính chính xác của số liệu và đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn thôn mình phụ trách rà soát./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Phòng Dân tộc (b/c);
- TTr ĐU, HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND (t/d);
- MTTQ, các ban ngành đoàn thể (p/h);
- Các thôn (t/h);
- Lưu VT, DT;

CHỦ TỊCH

Lê Đức Tuấn